

BÁO CÁO
KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM NƯỚC SẠCH ĐỊNH KÌ THÔNG SỐ NHÓM A+B
CÔNG TRÌNH CẤP NƯỚC LONG TRỊ THÁNG 3 NĂM 2025

TT	Vị trí lấy mẫu	Coliform	E.Coli	Asen (As) ^(*)	Clo dư tự do ^(**)	Độ đục	Màu sắc	Mùi, vị	pH	Amoni	Pecman ganat	Clorua	Độ cứng tổng	Florua	Nhôm	Nitrat	Nitrit	Sắt tổng	Sulfate	TDS	Mangan	Đồng	Kẽm	Nickel	Ps. Aeruginosa	Staphylococcus aureus	Bari	Antimon	Boron	Chì	Natri	Bro modichloro-meta n	Bro moform	Chloroform	Dibromochloro-meta n	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Tổng hoạt độ phóng xạ β
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	27	26	28	31	34	29	30	32	33	35	36
	Đơn vị	CFU/100mL	CFU/100mL	mg/L	mg/L	NTU	TCU	-	-	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	CFU/100mL	CFU/100mL	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	μg/L	μg/L	μg/L	μg/L	Bq/L	Bq/L	
Giới hạn tối đa cho phép theo QCVN 01:2022/TV		<3	<1	≤0,01	0,2 - 1,0	≤2	≤15	Không có mùi vị lạ	6,0 - 8,5	≤0,3	≤2	≤300	≤300	≤1,5	≤0,2	≤2	≤0,05	≤0,3	≤250	≤1000	≤0,1	≤1	≤2	≤0,07	<1	<1	≤0,7	≤0,02	≤0,3	≤0,01	≤200	≤60	≤100	≤300	≤100	≤0,1	≤1
1	Long Trị	0	0	-	0,48	0,56	KPH	KPH	7,77	0,001	KPH	67	156	KPH	KPH	0,411	0,011	KPH	79	266	KPH	KPH	KPH	KPH	<1	<1	0,025	0,0062	0,075	0,0035	118	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH
	Tại hộ Phạm Văn Thắng, ấp Long Trị, xã Long Đức	0	0	-	0,32	0,86	KPH	KPH	7,86	0,012	KPH	71	142	KPH	KPH	0,272	0,021	KPH	67	146	KPH	KPH	KPH	KPH	<1	<1	0,034	KPH	0,096	0,0026	121	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH
	Tại hộ Phan Văn Phước, ấp Long Trị, xã Long Đức	0	0	-	0,25	1,01	KPH	KPH	7,67	0,101	KPH	68	138	KPH	KPH	0,238	0,019	KPH	71	151	KPH	KPH	KPH	KPH	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Ghi chú:

- * Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- * "KPH": Không phát hiện
- Dấu (*) chỉ áp dụng cho đơn vị cấp nước khai thác nước ngầm.

Nơi nhận:

- Giám đốc và các Phó Giám đốc (b/c)
- Phòng QLKTCTCN, XNCLNC, Đội, TCN
- Lưu: HC.

NGƯỜI LẬP

Đỗ Hoàng Sơn

PHÒNG CNAT - XNCLNC

Trương Thành Cột



Bùi Thị Thu Hòa

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH TRÀ VINH TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN TỈNH TRÀ VINH Đ/C: 109 Phạm Ngũ Lão, Phường 1, TP. Trà Vinh ĐT: (0294) 3852051		
--	--	--

Số phiếu/ Test No: **118** /TTN-XN

Ngày/Date 17 tháng/month 03 năm/year 2025

**PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
/ TEST RESULT**

1. Khách hàng/ Customer: Trạm cấp nước Long Trị
2. Địa chỉ/ Address: Ấp Long Trị, xã Long Đức, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh
3. Người lấy mẫu/ Sample recipient: Nguyễn Trần Phương Uyên
4. Địa điểm lấy mẫu/ Location of sampling: Tại vòi trạm cấp nước Long Trị
5. Ngày lấy mẫu/ Sample date: 10/03/2025
6. Tên mẫu thử/ Name of sample: Nước sinh hoạt
7. Lượng mẫu/ Sample volume: 1000 mL
8. Ngày nhận mẫu/ Reception date: 10/03/2025 Ngày trả kết quả/ Result date: 17/03/2025
9. Tình trạng mẫu/ Status of sample: Mẫu đựng trong chai nhựa có đậy nắp.

STT /No	Chỉ tiêu/ Parameter	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử/ Test method	Kết quả/ Result	QCĐP 01:2022/TV Ngưỡng giới hạn cho phép/ Maximum limit allowed
1	Coliforms	CFU/100mL	USEPA Membrane Filtration Method 10029	0	<3
2	E.Coli	CFU/100mL	USEPA Membrane Filtration Method 10029	0	<1
3	Arsenic ^(*)	mg/L	HACH Method 28000-88	KPH	0,01
4	Clo dư	mg/L	USEPA DPD Method 8021	0,48	0,2 – 1,0
5	Độ đục	NTU	Hach Method 8195	0,56	2
6	Màu sắc	TCU	Platinum-Cobalt Standard Method 8025	KPH	15
7	Mùi vị	-	Cảm quan	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ
8	pH	-	USEPA Electrode Method 8156	7,77	6,0 – 8,5
9	Amoni (NH ₄ ⁺)	mg/L	Salicylate Method 10023	0,001	0,3

10	Chỉ số Pecmanganat	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH	2
11	Clorua (Cl ⁻)	mg/L	Silver Nitrate Method 8207	67	300
12	Độ cứng	mg/L	Titration Method with EDTA Method 8226	156	300
13	Florua (F ⁻)	mg/L	USEPA SPADNS 2 Method 10225	KPH	1,5
14	Nhôm	mg/L	Aluminon Method Method 8012	KPH	0,2
15	Nitrat (NO ₃ ⁻)	mg/L	Cadmium Reduction Method 8171	0,411	2
16	Nitrit (NO ₂ ⁻)	mg/L	USEPA Diazotization Method 8057	0,011	0,05
17	Sắt (Fe ²⁺)	mg/L	USEPA FerroVer Method 8008	KPH	0,3
18	Sulfat (SO ₄ ²⁻)	mg/L	USEPA SunfaVer 4 Method 8051	79	250
19	TDS	mg/L	Direct Measurement Method 8160	266	1000
20	Mangan (Mn ²⁺)	mg/L	1-(2-Pyridylazo)-2-Naphthol PAN Method 8149	KPH	0,1
21	Đồng	mg/L	USEPA Bicinchoninate Method 8506	KPH	1
22	Kẽm	mg/L	USEPA Zincon Method 8009	KPH	2
23	Nickel	mg/L	USEPA Heptoxime Method 8037	KPH	0,07

Ghi chú: Dấu (*) chỉ áp dụng cho đơn vị cấp nước khai thác nước ngầm. Dấu (-) là không có đơn vị.

Nhận xét: Các chỉ tiêu trên đạt theo QCDP 01:2022/TV

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Bùi Thị Thu Hòa

Ghi chú:

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới/ This test results is value only for samples taken by customer.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm/ This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of The Center.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
4. KPH: Không phát hiện/ Not detected.
5. Sau 5 ngày kể từ ngày trả kết quả, nếu khách hàng không có phản hồi, mẫu sẽ bị hủy/ After 5 days from the results send, if the customer doesnot response, the sample will be destroyed.

VACI
VALAS 156

TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

I. CLIENT INFORMATION/ THÔNG TIN KHÁCH HÀNG:

Client name (Khách hàng): TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN TỈNH TRÀ VINH
Address (Địa chỉ): Số 109, Đường Phạm Ngũ Lão, Phường 1, Thành phố Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh

II. SAMPLE INFORMATION AND TESTING REQUISITION/ THÔNG TIN MẪU VÀ YÊU CẦU:

JOB No. (Số phiếu yêu cầu phân tích): YC141511009
Information provided by client (Thông tin được khách hàng cung cấp): Nước sạch
Sample description (Mô tả mẫu): TCN Long Trị
Seal No (Số niêm): Không niêm
Source of sample (Nguồn mẫu): Mẫu được chứa trong chai thủy tinh và can nhựa kín con nguyên vẹn
Sampling on (Ngày lấy mẫu): Công ty TNHH Công Nghệ NHONHO lấy mẫu
Sample received on (Ngày nhận mẫu): 10/03/2025
Sample tested on (Ngày phân tích): 11/03/2025
Report date (Ngày trả kết quả): 17/03/2025

TESTING RESULTS/ KẾT QUẢ (See next page/ Xem trang sau)

Note / Ghi chú:

- (1) Testing parameter is sent to subcontractor accredited by MekongLAB / Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và được giám sát bởi MekongLAB.
- (2) Parameter is accredited ISO/IEC 17025 / Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025
- (3) Parameter is designated by Ministry of Agriculture and Rural Development / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
- (4) Parameter is designated by Ministry of Industry and Trade / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Công Thương
- (5) Parameter is designated by Ministry of Health / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Y Tế
- (6) Parameter is designated by Ministry of Natural Resources and Environment / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường
- ND: Not detected/ Không phát hiện D: Detected/ Phát hiện <1;<2;<3;<10: Not detected/ sample unit/ Không phát hiện/ đơn vị mẫu
LOD: limit of detection/ Giới hạn phát hiện LOQ: Limit of Quantitation/ Giới hạn định lượng
- This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO Terms and Conditions. NHO only resolves complaints about analytical results within 7 days from the report date of results / Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO. NHO chỉ giải quyết khiếu nại về kết quả phân tích trong vòng 7 ngày kể từ ngày trả kết quả.
- The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO is granted/ Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NHO

Authorized Technical Representative
Phụ trách kỹ thuật

[Signature]

LÊ SỸ NGHỊ

SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày 19 tháng 3 năm 2025



Lê Huỳnh Nhã



ĐINH HOÀNG THIÊN



NHONHO TECHNOLOGY COMPANY LIMITED

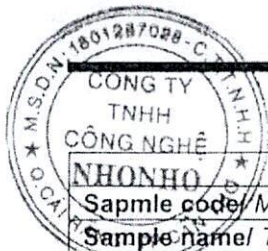
Hà Nội office: Km 11, National highway 21, Thạch Thất district, Hà Nội city.
HCM office: Van Dat tower, street 1, Tân Bình Industrial Park, Tân Phú district, HCM city.

Cần Thơ office: K2 - 17, Võ Nguyên Giáp street, Cái Răng district, Cần Thơ city.
Lab address: K2 - 17, Võ Nguyên Giáp street, Cái Răng district, Cần Thơ city.

Hotline: +84 901 139 969

Website: www.nhoho.com

Email: info@nhoho.com



TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

TESTING RESULTS/ KẾT QUẢ

Sample code/ Mã mẫu: YC141511009/1

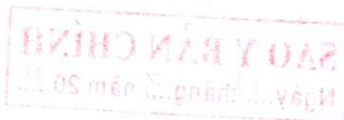
Sample name/ Tên mẫu: Nước sạch

Information provided by client/
(Thông tin được khách hàng cung cấp) Nước sạch
TCN Long Trị

Test Parameter/ Chỉ tiêu phân tích	Testing Method/ Phương pháp	Unit/ Đơn vị	LOD	Result/ Kết quả	QCĐP 01:2022/TV
Hoạt độ phóng xạ Beta ⁽¹⁾	TCVN 8879:2011	Bq/L	0.150	ND	1.0
Hoạt độ phóng xạ Alpha ⁽¹⁾	TCVN 8879:2011	Bq/L	0.01	ND	0.1
Định lượng Pseudomonas aeruginosa ⁽¹⁾	ISO 16266:2006	CFU/100ml	/	<1	<1
Định lượng Staphylococcus aureus ⁽¹⁾	SMEWW 9213B:2023	CFU/100ml	/	<1	<1
Chì (Pb) ⁽¹⁾	SMEWW 3030E, 3030F, 3125B:2023	mg/L	0.0003	0.0035	0.01
Bo (B) ⁽¹⁾	SMEWW 3030E, 3030F, 3125B:2023	mg/L	0.0066	0.075	0.3
Natri (Na) ⁽¹⁾	SMEWW 3030E, 3111B:2023	mg/L	0.200	118	200
Antimon (Sb) ⁽¹⁾	SMEWW 3030E, 3030F, 3125B:2023	mg/L	0.0033	0.0062<LOQ (0.025)	0.02
Bari (Ba) ⁽¹⁾	SMEWW 3030E, 3030F, 3125B:2023	mg/L	0.0066	0.025	0.7
Dibromochloromethane ⁽¹⁾	EPA Method 8260D (SW-846)	µg/L	1.00	ND	100
Chloroform (Trichloromethane) ⁽¹⁾	EPA Method 8260D (SW-846)	µg/L	1.00	ND	300
Bromoform ⁽¹⁾	EPA Method 8260D (SW-846)	µg/L	1.00	ND	100
Bromodichloromethane ⁽¹⁾	EPA Method 8260D (SW-846)	µg/L	1.00	ND	60

Conclusion/ Kết luận:

Kết quả phân tích mẫu trên phù hợp yêu cầu quy định theo QCĐP 01:2022/TV: quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Trà Vinh



TR. Vinh

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH TRÀ VINH TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN TỈNH TRÀ VINH Đ/C: 109 Phạm Ngũ Lão, Phường 1, TP. Trà Vinh ĐT: (0294) 3852051		
--	--	--

Số phiếu/ Test No: **119** /TTN-XN

Ngày/Date 17 tháng/month 03 năm/year 2025

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM / TEST RESULT

- Khách hàng/ Customer: Trạm cấp nước Long Trị
- Địa chỉ/ Address: Ấp Long Trị, xã Long Đức, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh
- Người lấy mẫu/ Sample recipient: Nguyễn Trần Phương Uyên
- Địa điểm lấy mẫu/ Location of sampling: Tại hộ Phạm Văn Thắng, ấp Long Trị, xã Long Đức
- Ngày lấy mẫu/ Sample date: 10/03/2025
- Tên mẫu thử/ Name of sample: Nước sinh hoạt
- Lượng mẫu/ Sample volume: 1000 mL
- Ngày nhận mẫu/ Reception date: 10/03/2025 Ngày trả kết quả/ Result date: 17/03/2025
- Tình trạng mẫu/ Status of sample: Mẫu đựng trong chai nhựa có đậy nắp.

STT /No	Chỉ tiêu/ Parameter	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử/ Test method	Kết quả/ Result	QCĐP 01:2022/TV Ngưỡng giới hạn cho phép/ Maximum limit allowed
1	Coliforms	CFU/100mL	USEPA Membrane Filtration Method 10029	0	<3
2	E.Coli	CFU/100mL	USEPA Membrane Filtration Method 10029	0	<1
3	Arsenic ^(*)	mg/L	HACH Method 28000-88	KPH	0,01
4	Clo dư	mg/L	USEPA DPD Method 8021	0,32	0,2 – 1,0
5	Độ đục	NTU	Hach Method 8195	0,86	2
6	Màu sắc	TCU	Platinum-Cobalt Standard Method 8025	KPH	15
7	Mùi vị	-	Cảm quan	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ
8	pH	-	USEPA Electrode Method 8156	7,86	6,0 – 8,5
9	Amoni (NH ₄ ⁺)	mg/L	Salicylate Method 10023	0,012	0,3

10	Chỉ số Pecmanganat	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH	2
11	Clorua (Cl ⁻)	mg/L	Silver Nitrate Method 8207	71	300
12	Độ cứng	mg/L	Titration Method with EDTA Method 8226	142	300
13	Florua (F ⁻)	mg/L	USEPA SPADNS 2 Method 10225	KPH	1,5
14	Nhôm	mg/L	Aluminon Method Method 8012	KPH	0,2
15	Nitrat (NO ₃ ⁻)	mg/L	Cadmium Reduction Method 8171	0,272	2
16	Nitrit (NO ₂ ⁻)	mg/L	USEPA Diazotization Method 8057	0,021	0,05
17	Sắt (Fe ²⁺)	mg/L	USEPA FerroVer Method 8008	KPH	0,3
18	Sulfat (SO ₄ ²⁻)	mg/L	USEPA SunfaVer 4 Method 8051	67	250
19	TDS	mg/L	Direct Measurement Method 8160	146	1000
20	Mangan (Mn ²⁺)	mg/L	1-(2-Pyridylazo)-2-Naphthol PAN Method 8149	KPH	0,1
21	Đồng	mg/L	USEPA Bicinchoninate Method 8506	KPH	1
22	Kẽm	mg/L	USEPA Zincon Method 8009	KPH	2
23	Nickel	mg/L	USEPA Heptoxime Method 8037	KPH	0,07

Ghi chú: Dấu (*) chỉ áp dụng cho đơn vị cấp nước khai thác nước ngầm. Dấu (-) là không có đơn vị.

Nhận xét: Các chỉ tiêu trên đạt theo QCDP 01:2022/TV



Bùi Thị Thu Hòa

Ghi chú:

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới/ This test results is value only for samples taken by customer.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm/ This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of The Center.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
4. KPH: Không phát hiện/ Not detected.
5. Sau 5 ngày kể từ ngày trả kết quả, nếu khách hàng không có phản hồi, mẫu sẽ bị hủy/ After 5 days from the results send, if the customer doesnot response, the sample will be destroyed.

VACI TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

VALAS 156

I. CLIENT INFORMATION/ THÔNG TIN KHÁCH HÀNG:

Client name (Khách hàng) : TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN TỈNH TRÀ VINH

Address (Địa chỉ) : Số 109, Đường Phạm Ngũ Lão, Phường 1, Thành phố Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh

II. SAMPLE INFORMATION AND TESTING REQUISITION/ THÔNG TIN MẪU VÀ YÊU CẦU:

JOB No. (Số phiếu yêu cầu phân tích) : YC141511009

Information provided by client : Nước sạch

(Thông tin được khách hàng cung cấp) : Tại hộ Phạm Văn Thắng, ấp Long Trị, xã Long Đức (TCN Long Trị)

Sample description (Mô tả mẫu) : Mẫu được chứa trong chai thủy tinh và can nhựa kín còn nguyên vẹn

Seal No (Số niêm) : Không niêm

Source of sample (Nguồn mẫu) : Công ty TNHH Công Nghệ NHONHO lấy mẫu

Sampling on (Ngày lấy mẫu) : 10/03/2025

Sample received on (Ngày nhận mẫu) : 11/03/2025

Sample tested on (Ngày phân tích) : 11/03/2025

Report date (Ngày trả kết quả) : 17/03/2025

TESTING RESULTS/ KẾT QUẢ (See next page/ Xem trang sau)

Note / Ghi chú:

- (1) Testing parameter is sent to subcontractor accredited by MekongLAB / Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và được giám sát bởi MekongLAB.
- (2) Parameter is accredited ISO/IEC 17025 / Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025
- (3) Parameter is designated by Ministry of Agriculture and Rural Development / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
- (4) Parameter is designated by Ministry of Industry and Trade / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Công Thương
- (5) Parameter is designated by Ministry of Health / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Y Tế
- (6) Parameter is designated by Ministry of Natural Resources and Environment / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường
- ND: Not detected/ Không phát hiện D: Detected/ Phát hiện <1;<2;<3;<10: Not detected/ sample unit/ Không phát hiện/ đơn vị mẫu
- LOD: limit of detection/ Giới hạn phát hiện LOQ: Limit of Quantitation/ Giới hạn định lượng
- This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO Terms and Conditions. NHO only resolves complaints about analytical results within 7 days from the report date of results / Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Bảo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO. NHO chỉ giải quyết khiếu nại về kết quả phân tích trong vòng 7 ngày kể từ ngày trả kết quả.
- The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO is granted/ Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NHO

Authorized Technical Representative

Phụ trách kỹ thuật

(Signature)

LÊ SỸ NGHỊ

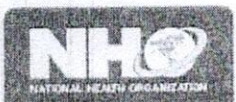
SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày 19 tháng 3 năm 2025



Lê Huỳnh Nhã



ĐINH HOÀNG THIÊN



NHONHO TECHNOLOGY COMPANY LIMITED

Hà Nội office: Km 11, National highway 21, Thạch Thất district, Hà Nội city.
HCM office: Van Dat tower, street 1, Tân Bình Industrial Park, Tân Phú district, HCM city.

Can Tho office: K2 - 17, Vo Nguyen Giap street, Cai Rang district, Can Tho city.
Lab address: K2 - 17, Vo Nguyen Giap street, Cai Rang district, Can Tho city.

Hotline: +84 901 339 662

Website: www.nhovn.com

Email: info@nhovn.com



TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

TESTING RESULTS/ KẾT QUẢ

Sample code/ Mã mẫu: YC141511009/2

Sample name/ Tên mẫu: Nước sạch

Information provided by client/

(Thông tin được khách hàng cung cấp) Tại hộ Phạm Văn Thắng, ấp Long Trị, xã Long Đức (TCN Long Trị)

Test Parameter/ Chỉ tiêu phân tích	Testing Method/ Phương pháp	Unit/ Đơn vị	LOD	Result/ Kết quả	QCĐP 01:2022/TV
Hoạt độ phóng xạ Beta ⁽¹⁾	TCVN 8879:2011	Bq/L	0.150	ND	1.0
Hoạt độ phóng xạ Alpha ⁽¹⁾	TCVN 8879:2011	Bq/L	0.01	ND	0.1
Định lượng Pseudomonas aeruginosa ⁽¹⁾	ISO 16266:2006	CFU/100ml	/	<1	<1
Định lượng Staphylococcus aureus ⁽¹⁾	SMEWW 9213B:2023	CFU/100ml	/	<1	<1
Chì (Pb) ⁽¹⁾	SMEWW 3030E, 3030F, 3125B:2023	mg/L	0.0003	0.0026	0.01
Bo (B) ⁽¹⁾	SMEWW 3030E, 3030F, 3125B:2023	mg/L	0.0066	0.096	0.3
Natri (Na) ⁽¹⁾	SMEWW 3030E, 3111B:2023	mg/L	0.200	121	200
Antimon (Sb) ⁽¹⁾	SMEWW 3030E, 3030F, 3125B:2023	mg/L	0.0033	ND	0.02
Bari (Ba) ⁽¹⁾	SMEWW 3030E, 3030F, 3125B:2023	mg/L	0.0066	0.034	0.7
Dibromochloromethane ⁽¹⁾	EPA Method 8260D (SW-846)	µg/L	1.00	ND	100
Chloroform (Trichloromethane) ⁽¹⁾	EPA Method 8260D (SW-846)	µg/L	1.00	ND	300
Bromoform ⁽¹⁾	EPA Method 8260D (SW-846)	µg/L	1.00	ND	100
Bromodichloromethane ⁽¹⁾	EPA Method 8260D (SW-846)	µg/L	1.00	ND	60

Conclusion/ Kết luận:

Kết quả phân tích mẫu trên phù hợp yêu cầu quy định theo QCĐP 01:2022/TV: quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Trà Vinh



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH TRÀ VINH TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN TỈNH TRÀ VINH Đ/C: 109 Phạm Ngũ Lão, Phường 1, TP. Trà Vinh ĐT: (0294) 3852051		
--	--	--

Số phiếu/ Test No: 120 /TTN-XN

Ngày/Date 17 tháng/month 03 năm/year 2025

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM / TEST RESULT

- Khách hàng/ Customer: Trạm cấp nước Long Trị
- Địa chỉ/ Address: Ấp Long Trị, xã Long Đức, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh
- Người lấy mẫu/ Sample recipient: Nguyễn Trần Phương Uyên
- Địa điểm lấy mẫu/ Location of sampling: Tại hộ Phan Văn Phước, ấp Long Trị, xã Long Đức
- Ngày lấy mẫu/ Sample date: 10/03/2025
- Tên mẫu thử/ Name of sample: Nước sinh hoạt
- Lượng mẫu/ Sample volume: 1000 mL
- Ngày nhận mẫu/ Reception date: 10/03/2025 Ngày trả kết quả/ Result date: 17/03/2025
- Tình trạng mẫu/ Status of sample: Mẫu đựng trong chai nhựa có đậy nắp.

STT /No	Chỉ tiêu/ Parameter	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử/ Test method	Kết quả/ Result	QCĐP 01:2022/TV Ngưỡng giới hạn cho phép/ Maximum limit allowed
1	Coliforms	CFU/100mL	USEPA Membrane Filtration Method 10029	0	<3
2	E.Coli	CFU/100mL	USEPA Membrane Filtration Method 10029	0	<1
3	Arsenic ^(*)	mg/L	HACH Method 28000-88	KPH	0,01
4	Clo dư	mg/L	USEPA DPD Method 8021	0,25	0,2 – 1,0
5	Độ đục	NTU	Hach Method 8195	1,06	2
6	Màu sắc	TCU	Platinum-Cobalt Standard Method 8025	KPH	15
7	Mùi vị	-	Cảm quan	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ
8	pH	-	USEPA Electrode Method 8156	7,67	6,0 – 8,5
9	Amoni (NH ₄ ⁺)	mg/L	Salicylate Method 10023	0,101	0,3

10	Chỉ số Pecmanganat	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH	2
11	Clorua (Cl ⁻)	mg/L	Silver Nitrate Method 8207	68	300
12	Độ cứng	mg/L	Titration Method with EDTA Method 8226	138	300
13	Florua (F ⁻)	mg/L	USEPA SPADNS 2 Method 10225	KPH	1,5
14	Nhôm	mg/L	Aluminon Method Method 8012	KPH	0,2
15	Nitrat (NO ₃ ⁻)	mg/L	Cadmium Reduction Method 8171	0,238	2
16	Nitrit (NO ₂ ⁻)	mg/L	USEPA Diazotization Method 8057	0,019	0,05
17	Sắt (Fe ²⁺)	mg/L	USEPA FerroVer Method 8008	KPH	0,3
18	Sulfat (SO ₄ ²⁻)	mg/L	USEPA SunfaVer 4 Method 8051	71	250
19	TDS	mg/L	Direct Measurement Method 8160	151	1000
20	Mangan (Mn ²⁺)	mg/L	1-(2-Pyridylazo)-2-Naphthol PAN Method 8149	KPH	0,1
21	Đồng	mg/L	USEPA Bicinchoninate Method 8506	KPH	1
22	Kẽm	mg/L	USEPA Zincon Method 8009	KPH	2
23	Nickel	mg/L	USEPA Heptoxime Method 8037	KPH	0,07

Ghi chú: Dấu (*) chỉ áp dụng cho đơn vị cấp nước khai thác nước ngầm. Dấu (-) là không có đơn vị.

Nhận xét: Các chỉ tiêu trên đạt theo QCDP 01:2022/TV

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Bùi Thị Thu Hòa

Ghi chú:

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới/ This test results is value only for samples taken by customer.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm/ This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of The Center.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
4. KPH: Không phát hiện/ Not detected.
5. Sau 5 ngày kể từ ngày trả kết quả, nếu khách hàng không có phản hồi, mẫu sẽ bị hủy/ After 5 days from the results send, if the customer doesnot response, the sample will be destroyed.